



ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Tờ trình số 745/TTr-KTHĐTĐ ngày 15/10/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026 tại NQ số 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2025		Điều chỉnh kỳ này		Dự toán năm 2026 sau điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	
A	B	I	2	3	4	5	6	7
	TỔNG THU NSNN (I+II+III+IV)	664.549.000.000	506.592.000.000	0	0	357.799.543.263	320.759.543.263	
I	Thu nội địa	487.653.000.000	329.696.000.000	-377.466.000.000	-256.549.000.000	110.187.000.000	73.147.000.000	
	Thu từ DNNN trung ương							
	Thu từ DNNN địa phương							
	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài							
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	850.000.000	850.000.000	0	0	850.000.000	850.000.000	
-	Thuế GTGT	850.000.000	850.000.000			850.000.000	850.000.000	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	-	-	-			
-	Thuế tài nguyên	0	-	-	-			
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	500.000.000	500.000.000			500.000.000	500.000.000	
3	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	0	-	-	-	-	-	
4	Thu phí và lệ phí	30.000.000	30.000.000			30.000.000	30.000.000	
5	Thu hoa lợi công sản tại xã	480.000.000	480.000.000			480.000.000	480.000.000	
6	Thu khác ngân sách	27.000.000	27.000.000			27.000.000	27.000.000	
7	Thuế thu nhập cá nhân	1.900.000.000	580.000.000			1.900.000.000	580.000.000	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026 tại NQ số 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2025		Điều chỉnh kỳ này		Dự toán năm 2026 sau điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	
7.1	Chuyển nhượng bất động sản	1.650.000.000	330.000.000		-	1.650.000.000	330.000.000	
7.2	Hoạt động sản xuất,kinh doanh của các cá nhân	250.000.000	250.000.000		-	250.000.000	250.000.000	
8	Thu tiền sử dụng đất	477.866.000.000	324.949.000.000	-377.866.000.000	-256.949.000.000	100.000.000.000	68.000.000.000	
8.1	Dự án do phường làm chủ đầu tư	477.866.000.000	324.949.000.000	(377.866.000.000)	(256.949.000.000)	100.000.000.000	68.000.000.000	
9	Lệ phí trước bạ	6.000.000.000	2.280.000.000	0	0	6.000.000.000	2.280.000.000	
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	1.600.000.000	960.000.000		-	1.600.000.000	960.000.000	
-	Lệ phí trước bạ ô tô,xe máy, tài sản khác	4.400.000.000	1.320.000.000			4.400.000.000	1.320.000.000	
10	Thu từ các khoản huy động, đóng góp	0	-	400.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	176.896.000.000	176.896.000.000	16.982.488.000	16.982.488.000	193.878.488.000	193.878.488.000	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	152.896.000.000	152.896.000.000		-	152.896.000.000	152.896.000.000	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	24.000.000.000	24.000.000.000	16.982.488.000	16.982.488.000	40.982.488.000	40.982.488.000	
III	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang			53.325.797.246	53.325.797.246	53.325.797.246	53.325.797.246	
1	Dự toán được cấp bổ sung sau 30/9			4.028.918.800	4.028.918.800	4.028.918.800	4.028.918.800	
2	Dự toán tạm ứng vốn đầu tư công			13.577.224.000	13.577.224.000	13.577.224.000	13.577.224.000	
3	Nguồn cải cách tiền lương,chính sách ASXH; KP được giao tự chủ các đơn vị sự nghiệp công lập; mua sắm hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp ...			7.616.775.889	7.616.775.889	7.616.775.889	7.616.775.889	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026 tại NQ số 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2025		Điều chỉnh kỳ này		Dự toán năm 2026 sau điều chỉnh		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	
4	Nguồn tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại			28.102.878.557	28.102.878.557	28.102.878.557	28.102.878.557	
IV	Thu kết dư ngân sách			408.258.017	408.258.017	408.258.017	408.258.017	



Ký bởi: PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ
ĐÔ THỊ
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
HƯNG YÊN
Thời gian ký: 15/10/2026 09:34:32

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Tờ trình số 745/TTr-UBND ngày 15/10/2026 của UBND phường Hồng Châu)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026 tại NQ số 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2025	Điều chỉnh kỳ này	Dự toán năm 2026 sau điều chỉnh	Ghi chú
A	B	I	2	3	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (A+B+C)	506.592.000.000	-185.832.456.737	320.759.543.263	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG	482.592.000.000	-256.540.741.983	226.051.258.017	
I	Chi đầu tư phát triển	320.000.000.000	-252.000.000.000	68.000.000.000	
II	Chi thường xuyên	153.129.000.000	408.258.017	153.537.258.017	
1	Chi quốc phòng	750.200.000		750.200.000	
2	Chi an ninh	819.000.000		819.000.000	
3	Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	75.686.000.000		75.686.000.000	
4	Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	1.227.000.000		1.227.000.000	
5	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	6.781.722.000		6.781.722.000	
6	Sự nghiệp Văn hóa - Thể thao - Truyền thanh (Trung tâm dịch vụ tổng hợp)	1.307.000.000		1.307.000.000	
7	Đảm bảo xã hội	7.086.000.000		7.086.000.000	

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026 tại NQ số 24/NQ-HĐND ngày 19/12/2025	Điều chỉnh kỳ này	Dự toán năm 2026 sau điều chỉnh	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
8	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.057.000.000		1.057.000.000	
9	Sự nghiệp kinh tế	21.487.000.000		21.487.000.000	
10	Chi quản lý hành chính	36.161.078.000		36.161.078.000	
11	Chi khác	767.000.000	408.258.017	1.175.258.017	
III	Dự phòng ngân sách	9.463.000.000	-4.949.000.000	4.514.000.000	
B	Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	24.000.000.000	16.982.488.000	40.982.488.000	
C	Chi chuyển nguồn năm trước chuyển sang		53.325.797.246	53.325.797.246	
D	Chi các khoản huy động, đóng góp		400.000.000	400.000.000	